

ĐỀ ÁN

Vị trí việc làm và cơ cấu ngạch công chức Sở Giáo dục và Đào tạo

Phần I

SỰ CẦN THIẾT VÀ CƠ SỞ PHÁP LÝ

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG ĐỀ ÁN

1. Khái quát đặc điểm, nội dung và tính chất hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo

1.1. Vị trí, chức năng

a) Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thực hiện chức năng tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo ở địa phương theo quy định của pháp luật và thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.

b) Sở Giáo dục và Đào tạo có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng theo quy định của pháp luật; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, vị trí việc làm, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân tỉnh; đồng thời, chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ và các quy định khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

1.2. Nhiệm vụ và quyền hạn

Sở Giáo dục và Đào tạo có nhiệm vụ, quyền hạn của được quy định tại Điều 2, Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT ngày 22/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo, cụ thể:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh: (-) Quyết định, kế hoạch, chương trình, dự án, chính sách phát triển giáo dục, phân luồng, hướng nghiệp học sinh tại địa phương phù hợp với chiến lược phát triển ngành giáo dục và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; (-) Quyết định mức thu học phí hằng năm đối với các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý nhà nước của tỉnh theo quy định của pháp luật; (-) Quyết định biên chế công chức của cơ quan quản lý giáo dục trên địa bàn tỉnh theo quy định của

pháp luật; (-) Phê duyệt tổng số lượng người làm việc của các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định của pháp luật.

b) Trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định: (-) Chính sách, chương trình, dự án, đề án phát triển giáo dục trên địa bàn theo quy định; biện pháp tổ chức thực hiện các nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước trong lĩnh vực giáo dục; (-) Phân cấp, ủy quyền cho Ủy ban nhân dân cấp huyện, Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước về giáo dục của Ủy ban nhân dân tỉnh; (-) Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

c) Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh: (-) Quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập, thu hồi quyết định thành lập hoặc quyết định cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, giải thể, đổi tên, chuyển đổi loại hình trường đối với các cơ sở giáo dục công lập, tư thục theo quy định, bao gồm: trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh và cấp huyện, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh và các cơ sở giáo dục khác thuộc phạm vi quản lý nhà nước theo quy định; (-) Quyết định cho phép thành lập, quyết định giải thể hoặc chấm dứt hoạt động đối với cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài (trừ cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông do cơ quan đại diện ngoại giao nước ngoài, tổ chức quốc tế liên chính phủ đề nghị thành lập) theo quy định; (-) Ban hành quyết định, chỉ thị và các văn bản khác về lĩnh vực giáo dục thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh theo phân công; (-) Khen thưởng hoặc trình cấp có thẩm quyền khen thưởng các tổ chức, cá nhân có nhiều thành tích trong hoạt động giáo dục tại địa phương.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh: (-) Ban hành văn bản hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản pháp luật về giáo dục; phương án tích hợp nội dung về mạng lưới các cơ sở giáo dục và đào tạo vào quy hoạch tỉnh theo Luật Quy hoạch và các quy định có liên quan; kế hoạch phát triển giáo dục trên địa bàn; kế hoạch, chương trình, dự án phát triển giáo dục trung học phổ thông trên địa bàn; kế hoạch triển khai Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông được phân công trên phạm vi địa bàn tỉnh; các văn bản pháp luật về giáo dục theo thẩm quyền; (-) Văn bản chấp thuận về việc thành lập, cho phép thành lập; sáp nhập, chia, tách, giải thể cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học; (-) Phê duyệt Đề

án sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục công lập thuộc phạm vi quản lý phù hợp với thực tiễn của địa phương; (-) Phê duyệt Phương án thành lập, tổ chức lại, giải thể các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

đ) Hướng dẫn, tuyên truyền, phổ biến và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về giáo dục; kế hoạch, chương trình, dự án, đề án và các nội dung khác về giáo dục sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

e) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện công tác chuyên môn, nghiệp vụ; công tác phổ cập giáo dục, xóa mù chữ, xây dựng trường chuẩn quốc gia và xây dựng xã hội học tập trên địa bàn; công tác tuyển sinh, thi, cấp, thu hồi văn bằng, chứng chỉ, kiểm định chất lượng giáo dục đối với các phòng giáo dục và đào tạo, các cơ sở giáo dục thuộc phạm vi quản lý.

ê) Quản lý về chuyên môn đối với việc thực hiện chương trình giáo dục thường xuyên của các trung tâm cấp huyện theo quy định.

g) Quyết định cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục đối với trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh, trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện có cấp trung học phổ thông, các trung tâm ngoại ngữ, tin học trên địa bàn (trừ các trung tâm ngoại ngữ, tin học thuộc đại học, trường đại học, trường cao đẳng hoạt động trong khuôn viên của trường), cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài (trừ cơ sở giáo dục đại học và phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài tại Việt Nam).

h) Quyết định thành lập hội đồng trường, công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch hội đồng trường, bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng trường đối với trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp cao nhất là trung học phổ thông, trường phổ thông dân tộc nội trú cấp tỉnh, trường phổ thông dân tộc nội trú cấp huyện có cấp trung học phổ thông trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo; quyết định công nhận, bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, thay đổi vị trí việc làm, khen thưởng, kỷ luật đối với người đứng đầu, cấp phó người đứng đầu các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo tiêu chuẩn chức danh và thủ tục do pháp luật quy định.

i) Công nhận, không công nhận hội đồng trường, chủ tịch hội đồng trường, hiệu trưởng, phó hiệu trưởng các trường trung học phổ thông tư thục,

trường phổ thông tư thực có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học phổ thông trên địa bàn.

k) Cấp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, quyết định đình chỉ hoạt động đối với các tổ chức kinh doanh dịch vụ tư vấn du học trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

l) Chủ trì xây dựng kế hoạch hằng năm về số lượng người làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo và của các cơ sở giáo dục trực thuộc, trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt; phân bổ số lượng người làm việc theo vị trí việc làm cho các cơ sở giáo dục trực thuộc theo quy định; hướng dẫn, tổ chức thực hiện việc tuyển dụng, sử dụng, đánh giá, đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện chính sách đối với công chức, viên chức và người lao động tại các cơ sở giáo dục do Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý theo quy định.

m) Xây dựng dự toán ngân sách giáo dục, quyết định phân bổ, giao dự toán ngân sách đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt; duyệt quyết toán, thông báo quyết toán năm và tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách của các cơ sở giáo dục trực thuộc; phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư xác định, cân đối ngân sách nhà nước chi cho giáo dục hằng năm của địa phương trình cấp có thẩm quyền; hướng dẫn, thanh tra, kiểm tra việc cấp, sử dụng ngân sách nhà nước và các nguồn tài chính hợp pháp khác cho giáo dục trên địa bàn tỉnh.

n) Hướng dẫn, tổ chức thực hiện huy động các nguồn lực để phát triển giáo dục, bảo đảm quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục trực thuộc; quản lý tài chính, tài sản, cơ sở vật chất được giao theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm giải trình về hoạt động giáo dục, chất lượng giáo dục, quản lý nhà giáo và người học, thực hiện chính sách phát triển giáo dục thuộc phạm vi quản lý trước Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Giáo dục và Đào tạo và xã hội.

o) Thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, giải quyết tố cáo, xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

ô) Phối hợp Sở Nội vụ tổng hợp số lượng người làm việc hàng năm của các cơ sở giáo dục công lập trong kế hoạch số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

ơ) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị có liên quan tổ chức tuyển dụng hoặc phân cấp việc tuyển dụng, sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo, cán bộ quản lý

giáo dục, nhân viên trong các cơ sở giáo dục công lập trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định của pháp luật.

p) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về giáo dục của Ủy ban nhân dân tỉnh đối với các cơ sở đại học, trung tâm giáo dục thường xuyên cấp tỉnh theo phân cấp của Chính phủ.

q) Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo và người có chức danh theo dõi giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

r) Quản lý các hoạt động dạy học và giáo dục trong nhà trường và ngoài nhà trường; chỉ đạo thực hiện hoạt động giáo dục đạo đức, lối sống, an toàn trường học; tổ chức thực hiện kế hoạch triển khai Đề án đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông; thực hiện và chỉ đạo thực hiện công tác truyền thông giáo dục trên địa bàn.

s) Tham gia thẩm định thực tế đề án thành lập, cho phép thành lập cơ sở giáo dục đại học, phân hiệu của cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn.

t) Thường xuyên cập nhật thông tin về đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục thuộc phạm vi quản lý vào cơ sở dữ liệu ngành giáo dục. Thực hiện đầy đủ và kịp thời chế độ báo cáo định kỳ hằng năm và đột xuất về thống kê, công khai lĩnh vực giáo dục của địa phương thuộc phạm vi quản lý với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo quy định.

u) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ngày 21/4/2017 của Chính phủ quy định về điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, Nghị định số 135/2018/NĐ-CP ngày 04/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 46/2017/NĐ-CP ; Nghị định số 86/2018/NĐ-CP ngày 06/6/2018 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; các quy định của pháp luật có liên quan và thực hiện nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh giao và theo quy định của pháp luật.

2. Những yếu tố tác động đến hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo

2.1. Cơ cấu tổ chức

a) *Lãnh đạo Sở*: Giám đốc và 03 Phó Giám đốc.

b) *Các phòng chuyên môn, nghiệp vụ thuộc Sở*:

- Phòng Tổ chức cán bộ;

- Phòng Kế hoạch - Tài chính;
- Phòng Quản lý chất lượng;
- Phòng Giáo dục Trung học - Giáo dục Thường xuyên;
- Phòng Giáo dục Mầm non - Giáo dục Tiểu học.

c) Văn phòng Sở

d) Thanh tra Sở

2.2. Lĩnh vực hoạt động của cơ quan: lĩnh vực giáo dục.

2.3. Phạm vi hoạt động: quản lý các đơn vị sự nghiệp trực thuộc; chỉ đạo, kiểm tra về chuyên môn của Phòng Giáo dục và Đào tạo, các cơ sở giáo dục thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện.

2.4. Cơ chế hoạt động: Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, đồng thời chịu sự chỉ đạo, kiểm tra về nghiệp vụ của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo cấp trên là Bộ Giáo dục và Đào tạo.

II. CƠ SỞ PHÁP LÝ

- Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII một số vấn đề tiếp tục đổi mới, sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả;

- Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị Trung ương 6 khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập;

- Căn cứ Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 ngày 13/11/2008 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2010;

- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức, viên chức số 52/2019/QH14 ngày 25/11/2019;

- Căn cứ Nghị định số 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ về quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về giáo dục;

- Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức;

- Nghị định số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014 của

Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT ngày 22/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc Trung ương;

- Thông tư số 15/2023/TT-BGDĐT ngày 09/8/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Giáo dục;

- Thông tư số 02/2021/TT-BNV ngày 11/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ và xếp lương đối với các ngạch công chức chuyên ngành hành chính và công chức chuyên ngành văn thư;

- Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày 31/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức;

- Quyết định số 4305/QĐ-UBND ngày 26/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Quyết định số 1965/QĐ-UBND ngày 14/7/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc sắp xếp cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo;

- Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 11/10/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Khánh Hòa về việc giao biên chế công chức trong cơ quan, tổ chức hành chính của tỉnh Khánh Hòa năm 2023.

Phần II

XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM, SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC VÀ CƠ CẤU NGẠCH CÔNG CHỨC

I. XÁC ĐỊNH VỊ TRÍ VIỆC LÀM

1. Vị trí việc làm gắn với nhóm lãnh đạo, quản lý

1.1. Giám đốc Sở.

1.2. Phó Giám đốc Sở.

1.3. Chánh Văn phòng.

1.4. Trưởng phòng và tương đương.

1.5. Phó Chánh Văn phòng.

1.6. Phó Trưởng phòng và tương đương

2. Vị trí việc làm gắn với nhóm nghiệp vụ chuyên ngành

2.1. Vị trí Quản lý chương trình giáo dục.

2.2. Vị trí Quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục.

2.3. Vị trí Quản lý đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục.

2.4. Vị trí Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục.

2.5. Vị trí Quản lý chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục (bao gồm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục)

2.6. Vị trí Quản lý người học (bao gồm cả tuyển sinh đào tạo; chính sách và các hoạt động hỗ trợ người học)

2.7. Vị trí Quản lý thi và văn bằng, chứng chỉ.

3. Vị trí việc làm gắn với nhóm chuyên môn dùng chung

3.1. Vị trí Công tác thanh tra.

3.2. Vị trí Tiếp công dân và xử lý đơn thư.

3.3. Vị trí Giải quyết khiếu nại, tố cáo.

3.4. Vị trí Thanh tra phòng, chống tham nhũng.

3.5. Vị trí Hợp tác quốc tế.

3.6. Vị trí Pháp chế.

3.7. Vị trí Tổ chức bộ máy.

3.8. Vị trí Quản lý nguồn nhân lực.

3.9. Vị trí Thi đua, khen thưởng.

3.10. Vị trí Cải cách hành chính.

3.11. Vị trí Hành chính - Văn phòng.

3.12. Vị trí Quản trị công sở.

3.13. Vị trí Văn thư.

3.14. Vị trí Lưu trữ.

3.15. Vị trí Công nghệ thông tin.

3.16. Vị trí Kế hoạch đầu tư.

3.17. Vị trí Thống kê.

3.18. Vị trí Tài chính.

3.19. Vị trí Kế toán.

3.20. Vị trí Thủ quỹ.

4. Vị trí việc làm gắn với nhóm hỗ trợ, phục vụ

4.1. Nhân viên Phục vụ

4.2. Nhân viên Bảo vệ

4.3. Nhân viên Lái xe

II. XÁC ĐỊNH SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC

- Tổng số biên chế được giao cho Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2023: **46** biên chế công chức.

- Số lượng cụ thể bố trí cho từng nhóm vị trí việc làm như sau:

+ Nhóm vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý: 06 vị trí (20 biên chế);

+ Nhóm vị trí việc làm gắn với nhóm nghiệp vụ chuyên ngành: 07 vị trí (12 biên chế);

+ Nhóm vị trí việc làm gắn với nhóm chuyên môn dùng chung: 25 vị trí (15 biên chế);

+ Nhóm vị trí việc làm gắn với nhóm hỗ trợ, phục vụ: 03 vị trí (0 chỉ tiêu)

Số TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Dự kiến biên chế hoặc số lao động cần có
I	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý	20
1	Giám đốc Sở	1
2	Phó Giám đốc Sở	3
3	Chánh Văn phòng	1
4	Trưởng phòng và tương đương	6
5	Phó Chánh Văn phòng	1
6	Phó Trưởng phòng và tương đương	7

II	Vị trí việc làm gắn với nhóm nghiệp vụ chuyên ngành	12
1	Quản lý chương trình giáo dục	5
2	Quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục	1
3	Quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục	1
4	Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục	1
5	Quản lý chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục (bao gồm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục)	1
6	Quản lý người học (bao gồm cả tuyển sinh đào tạo; chính sách và các hoạt động hỗ trợ đối với người học)	1
7	Khảo thí và văn bằng chứng chỉ	2
III	Vị trí việc làm gắn với nhóm chuyên môn dùng chung	15
1	Công tác thanh tra	1
2	Tiếp công dân và xử lý đơn thư	Kiểm nhiệm
3	Giải quyết khiếu nại, tố cáo	1
4	Thanh tra phòng chống tham nhũng	1
5	Hợp tác quốc tế	Kiểm nhiệm
6	Pháp chế	1
7	Tổ chức bộ máy	Kiểm nhiệm
8	Quản lý nguồn nhân lực	Kiểm nhiệm
9	Thi đua, khen thưởng	Kiểm nhiệm
10	Cải cách hành chính	1
11	Hành chính - Văn phòng	1
12	Quản trị công sở	1
13	Văn thư	1
14	Lưu trữ	Kiểm nhiệm
15	Công nghệ thông tin	1

16	Kế hoạch đầu tư	1
17	Thống kê	1
18	Tài chính	Kiểm nhiệm
19	Kế toán viên	4
20	Thủ quỹ	Kiểm nhiệm
IV	Vị trí việc làm gắn với nhóm hỗ trợ, phục vụ	2
1	Nhân viên Phục vụ	1
2	Nhân viên Bảo vệ	0
3	Nhân viên Lái xe	1

III. XÁC ĐỊNH CƠ CẤU CÔNG CHỨC THEO NGẠCH

1. Cơ cấu ngạch công chức hiện có của Sở Giáo dục và Đào tạo

Tổng số công chức hiện có của Sở Giáo dục và Đào tạo (tính đến thời điểm 30/10/2023): 41 người, được cơ cấu theo ngạch như sau:

- Công chức giữ ngạch chuyên viên cao cấp (CVCC) và tương đương: 01/41 người (tỷ lệ 2,4%);
- Công chức giữ ngạch chuyên viên chính (CVC) và tương đương: 06/41 người (tỷ lệ 14,6%);
- Công chức giữ ngạch chuyên viên (CV) và tương đương: 33/41 người (tỷ lệ 80,5%);
- Công chức giữ ngạch cán sự (CS) và tương đương: 01/41 người (tỷ lệ 2,4%).

2. Đề xuất cơ cấu ngạch công chức

Căn cứ Thông tư số 13/2022/TT-BNV ngày Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn việc xác định cơ cấu ngạch công chức và Thông tư số 15/2023/TT-BGDĐT ngày 09/8/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn về vị trí việc làm công chức nghiệp vụ chuyên ngành Giáo dục;

Trên cơ sở số biên chế công chức được giao năm 2023 tại Nghị quyết số 48/NQ-HĐND ngày 11/10/2023 và chức năng, nhiệm vụ Sở Giáo dục và Đào tạo được quy định tại Thông tư số 12/2020/TT-BGDĐT ngày 22/5/2020 của Bộ

trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất cơ cấu ngạch công chức theo từng vị trí việc làm tương ứng như sau:

S TT	VỊ TRÍ VIỆC LÀM	Ngạch tương ứng			
		CVCC và tương đương	CVC và tương đương	CV và tương đương	CS và tương đương
I	Vị trí việc làm gắn với công việc lãnh đạo, quản lý				
1	Giám đốc Sở	X	X		
2	Phó Giám đốc Sở	X	X		
3	Chánh Văn phòng		X	X	
4	Trưởng phòng và tương đương		X	X	
5	Phó Chánh Văn phòng		X	X	
6	Phó Trưởng phòng và tương đương		X	X	
II	Vị trí việc làm gắn với nhóm nghiệp vụ chuyên ngành				
1	Quản lý chương trình giáo dục		X	X	
2	Quản lý tổ chức và hoạt động cơ sở giáo dục		X	X	
3	Quản lý bảo đảm và kiểm định chất lượng giáo dục		X	X	
4	Quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị giáo dục		X	X	
5	Quản lý chính sách và phát triển đội ngũ cán bộ quản lý giáo dục (bao gồm đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý, nhân viên ngành Giáo dục)		X	X	
6	Quản lý người học (bao gồm cả tuyển sinh đào tạo; chính sách và các hoạt động hỗ trợ đối với người học)		X	X	
7	Khảo thí và văn bằng chứng chỉ		X	X	
III	Vị trí việc làm gắn với nhóm chuyên môn dùng chung				
1	Công tác thanh tra		X	X	

2	Tiếp công dân và xử lý đơn thư		X	X	
3	Giải quyết khiếu nại, tố cáo		X	X	
4	Thanh tra phòng chống tham nhũng		X	X	
5	Hợp tác quốc tế		X	X	
6	Pháp chế		X	X	
7	Tổ chức bộ máy		X	X	
8	Quản lý nguồn nhân lực		X	X	
9	Thi đua, khen thưởng		X	X	
10	Cải cách hành chính		X	X	
11	Hành chính - Văn phòng		X	X	
12	Quản trị công sở		X	X	
13	Văn thư			X	X
14	Lưu trữ			X	X
15	Công nghệ thông tin		X	X	
16	Kế hoạch đầu tư		X	X	
17	Thống kê		X	X	
18	Tài chính		X	X	
19	Kế toán viên		X	X	
20	Thủ quỹ			X	X
IV	Vị trí việc làm gắn với nhóm hỗ trợ, phục vụ				
1	Nhân viên Phục vụ				
2	Nhân viên Bảo vệ				
3	Nhân viên Lái xe				

Theo đó, Sở Giáo dục và Đào tạo đề xuất tỷ lệ tối đa đối với từng ngạch công chức tương ứng theo cơ cấu các phòng thuộc Sở như sau:

TT	Phòng/Ban	Số lượng công chức	Số lượng tối đa/Loại ngạch		Tỷ lệ ngạch công chức tối đa	
			Số lượng ngạch công chức	Loại ngạch công chức	Tỷ lệ/ Công chức Phòng	Tỷ lệ/ Công chức Sở
1	Lãnh đạo Sở	4	2	CVCC và tương đương	50%	4,3%
			2	CVC và tương đương	50%	4,3%
2	Văn phòng Sở	7	2	CVC và tương đương	28,6%	4,3%
			4	CV và tương đương	57,1%	8,7%
			1	Cán sự và tương đương	14,2%	2,2%
3	Thanh tra Sở	4	1	CVC và tương đương	50%	2,2%
			3	CV và tương đương	50%	6,5%
4	Phòng Tổ chức cán bộ	5	2	CVC và tương đương	40%	4,3%
			3	CV và tương đương	60%	6,5%
5	Phòng Kế hoạch – Tài chính	6	2	CVC và tương đương	33,3%	4,3%
			4	CV và tương đương	66,7%	8,7%

	lượng		2	CVC và tương đương	40%	4,3%
			3	CV và tương đương	60%	6,5%
7	Phòng Giáo dục trung học – Giáo dục thường xuyên	9	4	CVC và tương đương	44,4%	8,7%
			5	CV và tương đương	55,6%	10,9%
8	Phòng Giáo dục mầm non – Giáo dục tiểu học	6	2	CVC và tương đương	33,3%	4,3%
			4	CV và tương đương	66,7%	8,7%

Vậy, tỷ lệ ngạch công chức đề xuất tối đa trong tổng số 46 biên chế công chức được giao năm 2023 cho Sở Giáo dục và Đào tạo, gồm:

- Công chức giữ ngạch chuyên viên cao cấp (CVCC) và tương đương: 02/46 người (đạt 4,3%);
- Công chức giữ ngạch chuyên viên chính (CVC) và tương đương: 17/46 người (đạt 36,9%);
- Công chức giữ ngạch chuyên viên (CV) và tương đương: 26/46 người (đạt 56,5%);
- Công chức giữ ngạch cán sự (CS) và tương đương: 01/46 người (đạt 2,2%).

3. Mô tả công việc và khung năng lực đối với từng vị trí việc làm

Công việc cụ thể của từng vị trí việc làm được mô tả chi tiết theo từng nhóm vị trí việc làm, bao gồm các nội dung sau: Mục tiêu vị trí việc làm; các công việc và tiêu chí đánh giá; các mối quan hệ trong công việc; phạm vi quyền hạn; các yêu cầu về trình độ, năng lực.

Chi tiết theo các Phụ lục đính kèm, gồm:

- *Nhóm Phụ lục 01A: gồm 06 Bản mô tả của 06 vị trí việc làm Nhóm lãnh đạo, quản lý.*
- *Nhóm Phụ lục 01B: gồm 20 Bản mô tả của 20 vị trí việc làm Nhóm công chức nghiệp vụ chuyên môn dùng chung.*

- *Nhóm Phụ lục 01C: gồm 14 Bản mô tả của 07 vị trí việc làm Nhóm công chức nghiệp vụ chuyên ngành.*

- *Nhóm Phụ lục 01D: gồm 03 Bản mô tả của 03 vị trí việc làm Nhóm hỗ trợ, phục vụ.*

IV. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

Sở Giáo dục và Đào tạo kiến nghị Sở Nội vụ thẩm định, tham mưu UBND tỉnh giao đủ số lượng biên chế công chức hàng năm theo Đề án vị trí việc làm, nhằm đảm bảo số lượng công chức thực hiện các chức năng, nhiệm vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh (VBĐT);
- Sở Nội vụ (VBĐT);
- Lưu: VT, TCCB.

GIÁM ĐỐC

Võ Hoàn Hải